

Bản án số: 15/2023/HNGĐ - ST

Ngày: 18/12/2023

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MAI CHÂU, TỈNH HÒA BÌNH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thanh Tùng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hà Bá Khiên;

2. Ông Lương Khắc Tiệp.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Văn Cao

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Châu tham gia phiên tòa:

Ông Triệu Văn Mừng - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mai Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 45/2023/TLST - HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2023 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trịnh Thị Th, sinh năm 1995; nơi cư trú: Khu phố C, thị trấn V, huyện V, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1995; nơi cư trú: Xóm T, xã M, huyện M, tỉnh Hòa Bình. Hiện đang chấp hành án tại Phân trại số a, Trại giam X. Địa chỉ: Xã Th, huyện Th, tỉnh Hà Tĩnh. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 29/9/2023, Bản khai đề ngày 10/11/2023 và tại phiên tòa nguyên đơn là chị Trịnh Thị Th đã trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn T qua tìm hiểu đã tự nguyện kết hôn với nhau, đã được UBND xã Mai Hạ, huyện Mai Châu cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 20/12/2014. Sau khi kết hôn anh chị chung sống tại xóm T, xã M được một thời gian sau đó chuyển đi sống tại Thanh Hóa. Quá trình vợ chồng chung sống bình thường, nhưng từ tháng 02/2017 phát sinh mâu thuẫn nên chị Th đã chuyển đến sống tại nhà bố mẹ đẻ, đến tháng 3/2017 anh T bị bắt, bị tuyên phạt 14 năm tù về tội liên quan đến ma túy. Từ đó anh T và chị Th không chung sống với nhau. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị Th đề nghị Tòa án nhân dân huyện Mai Châu giải quyết cho ly hôn anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Chị Trịnh Thị Th và anh Nguyễn Văn T có 01 con chung là Nguyễn Gia B, sinh ngày 16/9/2014. Khi ly hôn, chị Thu yêu cầu Tòa án giải quyết giao con cho chị Thu là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Th chưa yêu cầu anh Toàn cấp dưỡng nuôi con. Anh T có quyền thăm nom con.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Chị Trịnh Thị Th và anh Nguyễn Văn T không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về việc giao nộp chứng cứ cho nhau: Chị Trịnh Thị Th trình bày Vì lý do anh Nguyễn Văn T đang chấp hành án tại Phân trại số a, Trại giam X nên chị Th không thể giao chứng cứ và tài liệu cho anh T được.

Đối với anh Nguyễn Văn T vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có lời khai, tại bản khai ngày 09/10/2023 anh Nguyễn Văn T trình bày: Về việc kết hôn là tự nguyện. Sau khi kết hôn anh T và chị Th cùng chung sống tại xã M, huyện M, tỉnh Hòa Bình. Tháng 02/2017 hai bên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, Trịnh Thị Th có đơn khởi kiện ly hôn thì anh cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh Nguyễn Văn T trình bày có 01 con chung như chị Th đã trình bày, anh T đang chấp hành án nên đồng ý giao con cho chị Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, khi chấp hành án xong anh T có nguyện vọng được nuôi con.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Nguyễn Văn T không yêu cầu giải quyết.

Do điều kiện anh Nguyễn Văn T đang chấp hành án không thể có mặt tại phiên tòa được, anh T đề nghị Tòa án căn cứ vào ý kiến anh đã trình bày và giải quyết, xét xử vắng mặt anh theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Châu phát biểu quan điểm về vụ án như sau:

- Qua kiểm sát quá trình giải quyết vụ án thấy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mai Châu. Quá trình giải quyết Tòa án nhân dân huyện Mai Châu đã thụ lý, thu thập các tài liệu chứng cứ và giải quyết vụ án theo đúng trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết và tại phiên tòa Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ các quy định có liên quan của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa ngày hôm nay, đối với nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về giải quyết vụ án: Hôn nhân giữa chị Trịnh Thị Th và anh Nguyễn Văn T là hợp pháp. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, lời trình bày tại phiên tòa của chị Th thấy giữa Th và anh T hiện nay đã không còn chung sống cùng nhau, anh Nguyễn Văn T bị xử phạt tù, hiện đang chấp hành án tại trại giam X, tình cảm không còn, anh T cũng đồng ý ly hôn với chị Trịnh Thị Th. Con chung của chị Th và anh T tên là Nguyễn Gia B, sinh ngày 16/9/2014. Do anh Nguyễn Văn T đang chấp hành án phạt tù và ý kiến, nguyện vọng của con muốn ở với mẹ là chị Trịnh Thị Th, vì vậy giao con cho chị Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Đã đủ căn cứ cho ly hôn và giải quyết việc nuôi con theo yêu cầu của các đương sự, chấp nhận là có căn cứ pháp

luật, quy định tại các Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Ngoài ra đề nghị xem xét giải quyết các vấn đề cần giải quyết khác trong vụ án đúng quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mai Châu theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc giao nộp chứng cứ: Vì lý do anh Nguyễn Văn T đang chấp hành án tại Phân trại số 1, Trại giam Xuân Hà nên chị Th, anh T không thể giao chứng cứ và tài liệu cho nhau được, Tòa án đã thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và đã giao cho anh Nguyễn Văn T.

[3] Về xét xử vắng mặt bị đơn: Tại phiên tòa bị đơn anh Nguyễn Văn T vắng mặt vì lý do đang chấp hành án, đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Yêu cầu của anh Nguyễn Văn T là phù hợp với các quy định tại khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án để đảm bảo quyền và lợi ích chính đáng của các bên đương sự, cũng như đảm bảo thời hạn tố tụng Tòa án.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Trịnh Thị Th và anh Nguyễn Văn T là tự nguyện, hợp pháp, được UBND xã M, huyện M cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 20/12/2014. Sau khi kết hôn anh chị sống chung với nhau tại xóm T, xã M, huyện M, tỉnh Hòa Bình. Từ năm 2017 anh Nguyễn Văn T bị bắt, bị tuyên phạt 14 năm tù về tội liên quan đến ma túy, nên đã không còn chung sống với nhau, như vậy không thể có hạnh phúc, chị Th trình bày tình cảm vợ chồng không còn. Như vậy mục đích của hôn nhân là xây dựng gia đình ấm no, hạnh phúc, tiến bộ không đạt được, anh T cũng đồng lý ly hôn. Như vậy đã có đủ căn cứ, cần chấp nhận giải quyết cho ly hôn theo yêu cầu của chị Trịnh Thị Th. Căn cứ vào khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về con chung: Chị Trịnh Thị Th và anh Nguyễn Văn T có 01 con chung là Nguyễn Gia B, sinh ngày 16/9/2014. Xét thấy anh T đang chấp hành án phạt tù nên không thể nuôi con, yêu cầu của chị Trịnh Thị Th về con chung là phù hợp, có căn cứ pháp luật hơn nữa phù hợp với nguyện vọng của con. Do vậy cần chấp nhận. Căn cứ quy định tại Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[6] Về tài sản chung: Chị Trịnh Thị Th trình bày không có, không yêu cầu giải quyết và anh Nguyễn Văn T trình bày không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về nghĩa vụ chung về tài sản: Chị Trịnh Thị Th trình bày không có, không yêu cầu giải quyết và anh Nguyễn Văn T trình bày không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8] Về án phí: Chị Trịnh Thị Th phải nộp theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy

ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[9] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Theo quy định của Điều 271, khoản 1 và 3 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Điều 271; khoản 1 và 3 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trịnh Thị Th được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Giao con Nguyễn Gia B, sinh ngày 16/9/2014 cho chị Trịnh Thị Th trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con thành niên đủ 18 tuổi có khả năng lao động hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Anh Nguyễn Văn T chưa phải cấp dưỡng nuôi con, có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Trịnh Thị Th phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí Tòa án số: 0000549 ngày 04/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mai Châu. Chị Trịnh Thị Th đã nộp đủ án phí.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án các đương sự có quyền kháng cáo bản án. Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh HB ;
- VKSND tỉnh HB;
- VKSND huyện MC;
- CCTHA dân sự MC;
- UBND xã Mai Hạ;
- UBND TT Vĩnh Lộc, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM - HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Phạm Thanh Tùng

